

AASC

A MEMBER OF JHI INTERNATIONAL CPA NETWORK



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM**

*Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

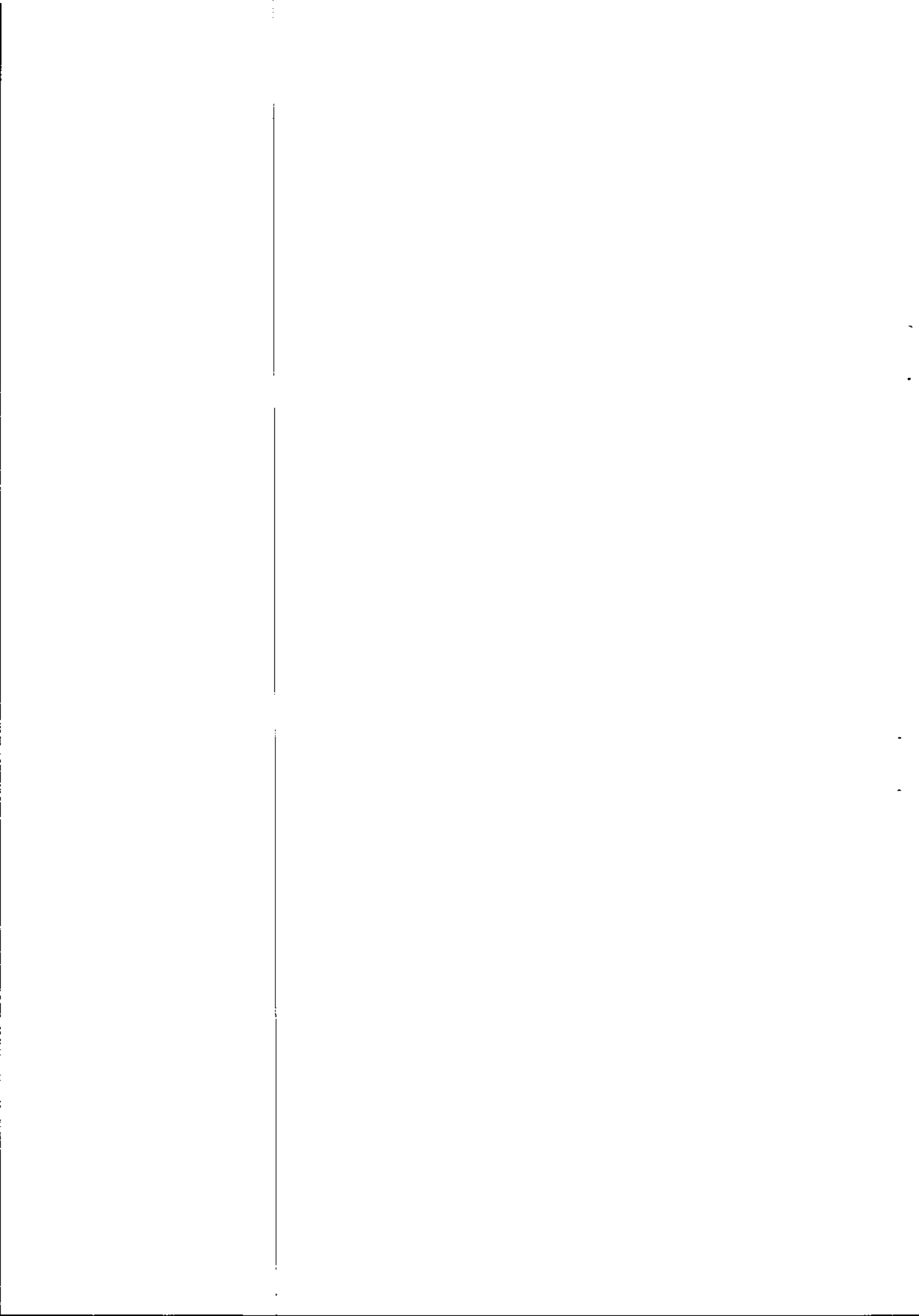
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM
E-mail: info@aascs.com.vn

Tel: (84.8) 38205944 - 38205947

Fax: (84.8) 38205942

Website: www.aascs.com.vn

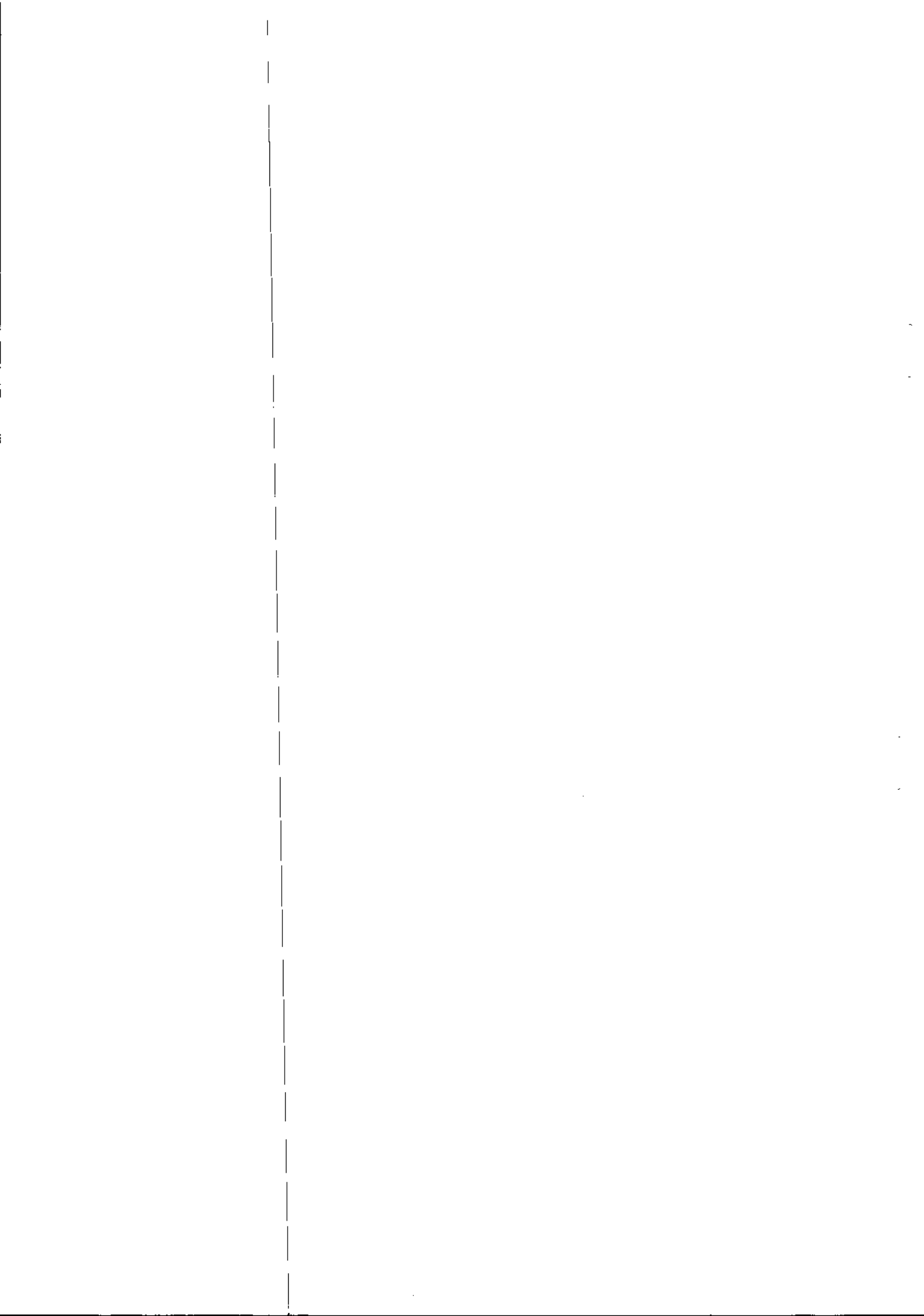


MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 23



14637



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam là Công ty Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam theo GNDKKD số 0300430099, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2011 nơi cấp Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM.

- Tiền thân trước đây của Công ty có tên gọi là Công ty Trục vớt thành lập ngày 30/6/1976, sau đổi tên thành Xi Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ được thành lập theo Quyết định số 448/QĐ/TCCB -LD ngày 20 tháng 03 năm 1993 và Quyết định số 575/QĐ/TCCB-LĐ ngày 03 tháng 04 năm 1993 của Bộ Giao Thông Vận Tải.
- Quyết định số 721/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Giao Vận Tải, Xi Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ đổi tên thành Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam.
- Quyết định số 1771/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Quyết định 2399/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2011 v/v chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam có tên giao dịch đối ngoại là: Vietnam Salvage Single Member Limiter Liability Company (viết tắt là VISAL).

Trụ sở chính đặt tại số 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty: 40.768.308.086 đ (Bốn mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ tám ngàn không trăm tám mươi sáu đồng)

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300430099 ngày 08 tháng 03 năm 2011 của Phòng Đăng ký kinh doanh -Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Trục vớt Cứu hộ

- Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa, kỹ thuật ngầm dưới nước;
- Tìm kiếm cứu nạn trên biển;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện thiết bị giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải;
- Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước; Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách;
- Đại lý và dịch vụ cho các tàu của công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam; đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, dầu mỡ, dầu nhớt);
- Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công của Công ty;
- Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải. Đào đắp đất đá. San lấp mặt bằng tạo bãi;
- Gia công, chế sửa, lắp ráp các loại kết cấu thép, kết cấu bê tông đúc sẵn. Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh kho bãi container.
- Đóng mới phương tiện thủy và kinh doanh vật liệu xây dựng. Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước;
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước biển và đường dài. Cứu nạn và cứu hộ trên biển nhằm đảm bảo an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng nước cảng biển;
- Kinh doanh thương mại các ngành hàng: Thiết bị lặn dưới nước, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng, sắt thép
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Kinh doanh khách sạn không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp, nhà nghỉ không hoạt động tại Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty TNHH Một thành viên Trực vớt Cứu hộ Việt Nam bao gồm Văn phòng Công ty và 5 thành viên hạch toán phụ thuộc như sau:

- Văn phòng Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu Hộ Việt Nam
- Chi nhánh I Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu Hộ Việt Nam
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu Hộ Việt Nam II
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu Hộ Việt Nam III
- Xí nghiệp Sửa Chữa Tàu Biển
- Xí nghiệp Cơ Khí Công Trình

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.126.565.513 VND. (Năm 2011 lợi nhuận sau thuế là 2.103.179.950 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 2.126.565.513 VND. (Năm 2011 lợi nhuận chưa phân phối là 0 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban giám đốc bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Khả	Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Văn Bè	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Văn Trang	Kế toán trưởng	(bổ nhiệm ngày 15/11/2012)

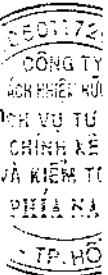
KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trong yếu tố đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.




BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2013

TM. Ban Giám Đốc
Ông Giám Đốc

Nguyễn Văn Khá



Số: 057/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam****Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2012.

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty tồn tại 02 công trình dở dang chưa được quyết toán (tàu Huyền Trang 02 và tàu Việt Thái 126) có giá trị là 1.474.632.189 VND - giá trị này được xem như một khoản lỗ tiềm tàng của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 2 năm 2013

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Tổng Giám đốc****Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên
Lê Văn Tuấn

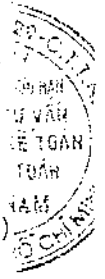
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		74.372.464.108	112.905.778.043
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		6.448.214.103	19.245.990.298
111	1. Tiền	03	6.448.214.103	19.245.990.298
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		46.361.053.007	71.696.049.941
131	1. Phải thu khách hàng		41.799.548.592	41.050.754.301
132	2. Trả trước cho người bán		3.358.815.689	7.998.741.967
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	5.268.750.088	26.363.415.147
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(4.066.061.362)	(3.716.861.474)
140	IV. Hàng tồn kho		19.424.931.105	19.416.874.549
141	1. Hàng tồn kho	05	19.424.931.105	19.416.874.549
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.138.265.893	2.546.863.255
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.284.683	278.235.512
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	107.184.960	46.038.411
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.004.796.250	2.222.589.332
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		45.836.706.679	43.061.940.712
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
220	II. Tài sản cố định		21.544.655.016	19.241.226.721
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	17.889.251.444	17.736.657.256
222	- Nguyên giá		78.304.644.989	72.148.606.239
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(60.415.393.545)	(54.411.948.983)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	163.659.901	163.659.901
228	- Nguyên giá		163.659.901	163.659.901
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	3.491.743.671	1.340.909.564
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.050.000.000	1.050.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác	10	1.050.000.000	1.050.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	V. Tài sản dài hạn khác		23.242.051.663	22.770.713.991
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	23.236.051.663	22.764.713.991
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác		6.000.000	6.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		120.209.170.787	155.967.718.755

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		76.754.628.295	114.680.317.357
310	I. Nợ ngắn hạn		70.087.988.295	102.382.010.530
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	14.123.461.499	17.536.270.237
312	2. Phải trả người bán		19.868.271.273	12.855.159.646
313	3. Người mua trả tiền trước		6.800.808.736	15.304.168.630
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.372.519.882	2.434.877.556
315	5. Phải trả người lao động		7.309.824.298	10.400.589.163
316	6. Chi phí phải trả	14	759.560.235	4.397.903.665
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	15.974.356.291	34.435.560.434
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.879.186.081	5.017.481.199
330	II. Nợ dài hạn		6.666.640.000	12.298.306.827
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	6.666.640.000	11.425.648.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			872.658.827
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		43.454.542.492	41.287.401.398
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	43.454.542.492	41.287.401.398
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		29.136.100.817	29.136.100.817
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			(40.575.581)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển			
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.142.337.598	2.142.337.598
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.126.565.513	
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		10.049.538.564	10.049.538.564
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		120.209.170.787	155.967.718.755



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

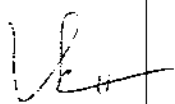
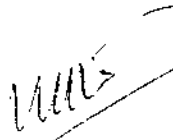
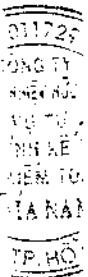
Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
	1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại - Dollar Mỹ (USD)		40.232,31	4.927,02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thu

Nguyễn Văn Trang

Nguyễn Văn Khá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

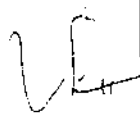
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	123.332.545.975	189.718.344.545
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		123.332.545.975	189.718.344.545
11	4. Giá vốn hàng bán	19	92.150.519.220	159.116.218.203
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.182.026.755	30.602.126.342
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	174.342.115	208.044.484
22	7. Chi phí tài chính	21	4.016.169.295	4.885.511.553
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.783.604.138	4.885.511.553
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		25.742.521.829	25.137.243.676
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.597.677.746	787.415.597
31	11. Thu nhập khác		1.339.527.745	2.113.749.350
32	12. Chi phí khác		101.784.807	96.925.014
40	13. Lợi nhuận khác		1.237.742.938	2.016.824.336
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.835.420.684	2.804.239.933
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	708.855.171	701.059.983
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.126.565.513</u>	<u>2.103.179.950</u>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc Thu

Nguyễn Văn Trang

Nguyễn Văn Khá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu		126.460.080.296	196.147.367.333
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(54.039.499.863)	(66.164.002.020)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(40.248.364.172)	(46.642.847.340)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.966.584.642)	(4.862.451.160)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			(602.744.582)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		45.137.563.613	51.079.428.741
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(59.443.825.492)	(82.098.051.880)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.899.369.740	46.856.699.092
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(13.545.992.182)	(20.506.386.360)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		69.716.303	182.967.652
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.476.275.879)	(20.323.418.708)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			10.363.006
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		16.354.140.962	8.531.060.497
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(29.566.004.983)	(22.411.905.787)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.211.864.021)	(13.870.482.284)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(12.788.770.160)	12.662.798.100
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.245.990.298	6.600.284.834
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		(9.006.035)	(17.092.636)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		6.448.214.103	19.245.990.298

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Thu

Nguyễn Văn Trang



Nguyễn Văn Khá

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam là Công ty Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam theo GNDKKD số 0300430099, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2011 nơi cấp Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM.

- Tiền thân trước đây của Công ty có tên gọi là Công ty Trục vớt thành lập ngày 30/6/1976, sau đổi tên thành Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ được thành lập theo Quyết định số 448/QĐ/TCCB -LD ngày 20 tháng 03 năm 1993 và Quyết định số 575/QĐ/TCCB-LĐ ngày 03 tháng 04 năm 1993 của Bộ Giao Thông Vận Tải.

- Quyết định số 721/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Giao Vận Tải, Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ đổi tên thành Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam.

- Quyết định số 1771/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Quyết định 2399/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2011 v/v chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam có tên giao dịch đối ngoại là: Vietnam Salvage Single Member Limiter Liability Company (viết tắt là VISAL).

Trụ sở chính đặt tại số 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

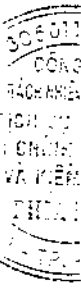
Vốn điều lệ của Công ty: 40.768.308.086 đ (Bốn mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ tám ngàn không trăm tám mươi sáu đồng)

Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Trục vớt Cứu hộ

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa, kỹ thuật ngầm dưới nước;
- Tìm kiếm cứu nạn trên biển;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện thiết bị giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải;
- Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước; Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách;
- Đại lý và dịch vụ cho các tàu của công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam; đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, dầu mỡ, dầu nhờn);
- Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công của Công ty;
- Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải. Đào đắp đất đá. San lấp mặt bằng tạo bãi;
- Gia công, chế sửa, lắp ráp các loại kết cấu thép, kết cấu bê tông đúc sẵn. Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh kho bãi container.
- Đổ mới phương tiện thủy và kinh doanh vật liệu xây dựng. Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước;
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước biển và đường dài. Cứu nạn và cứu hộ trên biển nhằm đảm bảo an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng nước cảng biển;
- Kinh doanh thương mại các ngành hàng: Thiết bị lặn dưới nước, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng, sắt
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Kinh doanh khách sạn không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp, nhà nghỉ không hoạt động tại Tp.HCM

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 31/12/2012.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
+ Thiết bị công cụ quản lý	03 - 10 năm
+ Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

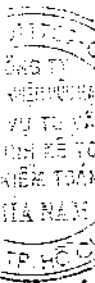
Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

03. TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	507.108.045	630.007.551
Tiền gửi ngân hàng	5.941.106.058	18.615.982.747
Tiền gửi VND	5.103.147.505	18.513.377.771
- Ngân hàng BIDV	4.918.234	15.061.050.006
- Ngân hàng Công Thương	4.917.670.486	2.446.678.212
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	168.706.164	210.353.478
- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT	2.735.069	
- Ngân hàng Á Châu	9.117.552	795.296.075
Tiền gửi ngoại tệ	837.958.553	102.604.976
+ Ngân hàng Công thương	739.372.964	4.219.128
+ Ngân hàng Á Châu	98.557.888	98.358.147
+ Ngân hàng Hàng Hải	27.701	27.701
Tiền đang chuyển		
Cộng	6.448.214.103	19.245.990.298

04. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác	5.268.750.088	26.363.415.147
+ Bảo hiểm y tế, BHXH nộp thừa		55.227.911
+ Phải thu khác	5.268.750.088	26.308.187.236
Cộng	5.268.750.088	26.363.415.147

05. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
- Nguyên liệu, vật liệu	11.486.294.308	12.651.529.495
- Công cụ, dụng cụ	774.925.424	780.794.099
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.163.711.373	5.984.550.955
Cộng giá gốc hàng tồn kho	19.424.931.105	19.416.874.549

06. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	107.184.960	46.038.411
- Các khoản khác phải thu Nhà nước		
Cộng	107.184.960	46.038.411

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM
Địa chỉ: 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

07. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	11.586.855.692	22.891.976.654	35.639.993.078	656.548.503	1.373.232.312	72.148.606.239
Số tăng trong năm		6.627.542.250	5.227.570.524			11.855.112.774
- Mua trong năm		6.627.542.250				6.627.542.250
- Phân loại lại tài sản			5.227.570.524			5.227.570.524
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		5.227.570.524	471.503.500			5.699.074.024
- Thanh lý, nhượng bán			471.503.500			471.503.500
- Phân loại lại tài sản		5.227.570.524				
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	11.586.855.692	24.291.948.380	40.396.060.102	656.548.503	1.373.232.312	78.304.644.989
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.711.696.579	14.296.834.100	28.456.845.351	573.340.641	1.373.232.312	54.411.948.983
Số tăng trong năm	378.088.985	1.408.485.897	4.848.783.530	13.842.000		6.649.200.412
- Khấu hao trong năm	378.088.985	1.408.485.897	4.674.531.180	13.842.000		6.474.948.062
- Phân loại lại tài sản			174.252.350			
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		174.252.350	471.503.500			645.755.850
- Thanh lý, nhượng bán			471.503.500			471.503.500
- Phân loại lại tài sản		174.252.350				
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	10.089.785.564	15.531.067.647	32.834.125.381	587.182.641	1.373.232.312	60.415.393.545
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.875.159.113	8.595.142.554	7.183.147.727	83.207.862		17.736.657.256
Tại ngày cuối năm	1.497.070.128	8.760.880.733	7.561.934.721	69.365.862		17.889.251.444

16

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901	
Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
Số tăng trong năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tặng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm						
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901	
Tại ngày cuối năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901	

17/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

09. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Xây dựng cơ bản dở dang:	2.912.242.032	548.605.668
+ Công trình nhà VP đại diện tại Vũng Tàu	2.912.242.032	548.605.668
- Sửa chữa lớn TSCĐ	579.501.639	792.303.896
+ Sửa chữa định kỳ tàu CH 305		90.196.585
+ Sửa chữa định kỳ tàu Visal 8		218.582.604
+ Sửa chữa định kỳ tàu Đại Lãnh		480.665.646
+ Lắp đặt ống dẫn nước - bể xử lý nước thải	377.859.061	2.859.061
+ Mở rộng nhà xưởng	201.642.578	
Cộng	<u>3.491.743.671</u>	<u>1.340.909.564</u>

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>		<u>01/01/2012</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu		1.050.000.000		1.050.000.000
+ Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Và Xây Dựng	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
- Đầu tư trái phiếu				
Cộng		<u>1.050.000.000</u>		<u>1.050.000.000</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Chi nhánh 1	148.198.636	5.859.091
- Vật tư, công cụ dụng cụ cho các tàu	148.198.636	5.859.091
Chi nhánh 2		1.668.000
- Máy in Canon		1.668.000
XN SCTB	502.971.007	739.079.488
Văn Phòng	22.584.882.020	22.018.107.412
- Chi phí thuê tàu Visal Saigon	22.581.859.293	22.006.850.594
- Chi phí công cụ dụng cụ	3.022.727	11.256.818
Cộng	<u>23.236.051.663</u>	<u>22.764.713.991</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
- Vay ngắn hạn		
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	8.757.073.919	17.536.270.237
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn	5.366.387.580	
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	14.123.461.499	17.536.270.237

Chi tiết hợp đồng vay	Ngân hàng BIDV	Ngân hàng NN & PTNT
Hợp đồng	số 08/2012/2098457 ngày 20/02/2012	số 6280LAV201201584 ngày 28/9/2012
Hạn mức	30.000.000.000 VND	30.000.000.000 VND
Thời hạn	Tối đa không quá 6 tháng	Tối đa không quá 6 tháng
Lãi suất	Thả nổi	13%/năm (có điều chỉnh)
Tài sản đảm bảo	TS hình thành từ vốn vay	Tin chấp

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
- Thuế giá trị gia tăng	1.389.671.694	2.160.884.539
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	982.848.188	273.993.017
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên		
Cộng	2.372.519.882	2.434.877.556

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	19.331.145	3.005.383.901
- Tàu xe đi phép		13.050.279
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh (bảo hành sp)	740.229.090	1.379.469.485
Cộng	759.560.235	4.397.903.665

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
- Tài sản thừa chờ xử lý	2.193.986	2.193.986
- Kinh phí công đoàn	567.021.700	619.901.343
- Bảo hiểm xã hội	31.316.333	
- Bảo hiểm y tế	9.085.158	
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.609.638	318.740
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.357.129.476	33.813.146.365
Cộng	15.974.356.291	34.435.560.434

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2012**

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2012	01/01/2012
- Vay ngân hàng	6.666.640.000	11.425.648.000
+ Ngân hàng BIDV		759.000.000
+ Ngân hàng Á Châu (*)	6.666.640.000	10.666.648.000
- Vay đối tượng khác		
Cộng	6.666.640.000	11.425.648.000

(*) Hợp đồng vay số BET.DN.0120809/KTG, số tham chiếu 64208279 ngày 20/8/2009 có thời hạn 60 tháng.

Mục đích vay: trả tiền thuê tàu AHTS công suất 7100HP.

Tài sản đảm bảo:

- Bất động sản: thửa đất số 1+51+52, tờ bản đồ số 2+3, Phường 10, Thành phố Vũng Tàu
- Động sản: tàu Mỹ Á và tàu Visal 2



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch ti giá hối đoái	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	28.487.799.089			(23.482.945)	10.049.538.564			1.932.019.603	
Tăng vốn trong kì trước	1								
Lãi trong kì trước		648.301.727		(17.092.636)		2.103.179.950		210.317.995	
Tăng khác									
Giảm vốn trong kì trước									
Trích quỹ từ lợi nhuận							2.103.179.950		
Giảm khác									
Số dư cuối năm trước	29.136.100.817			(40.575.581)	10.049.538.564			2.142.337.598	
Tăng vốn trong kì này									
Lãi trong kì này								2.126.565.513	
Tăng khác									
Giảm vốn trong kì này									
Trích quỹ từ lợi nhuận									
Giảm khác				(40.575.581)					
Số dư cuối năm nay	29.136.100.817				10.049.538.564			2.142.337.598	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	123.332.545.975	189.718.344.545
Cộng	123.332.545.975	189.718.344.545

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	92.150.519.220	159.116.218.203
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	92.150.519.220	159.116.218.203

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	94.342.115	208.044.484
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	80.000.000	
Cộng	174.342.115	208.044.484

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
- Lãi tiền vay	3.783.604.138	4.885.511.553
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	49.584.653	
- Chi phí tài chính khác	182.980.504	
Cộng	4.016.169.295	4.885.511.553

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	708.855.171	701.059.983
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng	708.855.171	701.059.983

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.514.698.661	40.658.820.827
Chi phí nhân công	34.711.895.173	37.501.882.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.974.948.062	5.813.387.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.090.822.500	40.729.410.261
Chi phí khác bằng tiền	35.838.955.709	46.451.284.466
Cộng	119.131.320.105	171.154.785.927

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trang

TP. Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 02 năm 2013



Nguyễn Văn Khá

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.

Số chứng thực 8789 Quyển số SCT/RS

Ngày 19-11-2014

Chủ tịch UBND Quận 3, Q. Phú Nhuận



Phan Ngọc Minh

